TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HSST
Ngày: 29 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Hiền

2. Ông Hoàng Văn Hán

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Minh Thắng- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hà Văn P;** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 04/5/1980 tại T;

Nơi cư trú: Bản Khá, phường N, thành phố Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12 phổ thông; Con ông: Hà Văn H (đã chết), con bà: Nguyễn Thị B (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị H, con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009. Tiền sự: Không; Tiền án: Có 03 tiền án, Ngày 17/11/2011 bị Toà án nhân dân thành phố Đ xét xử và xử phạt bị cáo 24 tháng tù, về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 10/12/2013 bị cáo bị Toà án nhân dân thành phố Đ xét xử và áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 139, điểm g (Tái phạm) khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999, xử phạt 12 tháng tù, về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 26/11/2015 bị cáo bị Toà án nhân dân thành phố Đ xét xử, áp dụng điểm b, p (Tái phạm nguy hiểm) khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999 và xử phạt 08 năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 21/9/2022 bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù, các bản án này của bị cáo đều chưa được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/8/2023, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 03/8/2023 bị cáo Hà Văn P đi bộ từ nhà đến bản Co Cáng, phường N, thành phố Đ để tìm mua ma túy. Tại đây, P gặp một người đàn ông không quen biết đang ngồi sử dụng Heroine ở ven đường nên đã hỏi và mua được 01 gói ma túy có đặc điểm bên ngoài được gói bằng giấy bạc màu vàng, bên trong có các cục chất bột màu trắng, với giá 150.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, P cầm trong lòng bàn tay phải rồi đi tìm chỗ sử dụng. Hồi 12 giờ 40 phút cùng ngày khi P đi đến khu vực tổ 04, phường N, thành phố Đ thì bị tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và Ma túy Công an thành phố Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Bị cáo khai đó là ma túy, loại Heroine.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 15 giờ 00 phút, ngày 03/8/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 1237/KL-KTHS ngày 10/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu các cục chất bột màu trắng đục gửi giám định thu giữ của bị cáo Hà Văn P là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,1 gam.

Tại bản cáo trạng số 196/CT-VKS-TPĐBP ngày 16/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Hà Văn P về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hà Văn P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,05 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh giấy bạc màu vàng; Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hà Văn P không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 12 giờ 40 phút ngày 03/8/2023, tại tổ 04, phường N, thành phố Đ, tỉnh B, Hà Văn P đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,1 gam Heroine, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 13 giờ 00 phút ngày 03/8/2023, biên bản niêm P vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 15 giờ 00 phút, ngày 03/8/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 1237/KL-KTHS ngày 10/8/2023của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với mục đích để sử dụng của bị cáo Hà Văn P là phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" với khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ là 0,1 gam, lẽ ra bị cáo chỉ bị truy tố theo quy định tại khoản 1 Điều 249/BLHS, tuy nhiên, bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết định khung "tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249/BLHS.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo là người nghiện ma túy, nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà bị cáo đã tàng trữ, với định khung tăng nặng là "Tái phạm nguy hiểm", thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Đối với người đàn ông không quen biết đã bán ma túy cho bị cáo, bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Vật chứng: Đối với 0,05 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cấm tàng trữ, 01 mảnh giấy bạc màu vàng, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Hà Văn P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Hà Văn P 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (03/8/2023).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 0,05 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh giấy bạc màu vàng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2023 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B).*

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/11/2023).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cụcTHADS TPĐBP;
- TAND tỉnh B;
- HS Thi hành án HS;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành